

Bản án số: 11/2017/HSST

Ngày 12/7/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ - TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tài Nghệ.

2. Ông Bùi Đức Cường.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Hà - tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại Tổ dân phố Nậm Sắt 2, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Toà án nhân dân huyện Bắc Hà xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 07/2017/HSST, ngày 16 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Tạ Thị Thanh D, tên gọi khác: không. Sinh ngày 01/01/1985. Tại xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

ĐKHKTT: Thôn B, xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Nơi tạm trú: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12.

Con ông: Không xác định được; Con bà: Tạ Thị H, sinh năm 1937. Trú tại: Thôn B, xã T, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Chồng: Hiện bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Trú tại: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2015. Trú tại: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 04/LCĐKNCT, ngày 17/4/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Hà - Có mặt.

2. Bị cáo Nguyễn Văn H, tên gọi khác: không. Sinh ngày 01/ 8/ 1980. Tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

ĐKHKTT: Thôn Làng G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12.

Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1960; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1960.
Bố mẹ đều trú tại: xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vợ: Bị cáo có vợ là Sìn Thị D, sinh năm 1979.

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012.

Vợ, con đều trú tại: xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Hiện bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Tạ Thị Thanh D, sinh năm 1985.
Tạm trú tại: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 15/4/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ
Công an huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai - có mặt.

3. Người bị hại

- Chị Bàn Thị H - Sinh năm 1985. Trú tại: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai -
Có mặt.

- Chị Phùng Thị Kim L - Sinh năm 1976. Trú tại: Thôn Đ, thị xã C, TP. L, tỉnh
Lào Cai - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Tạ Thị Thanh D và Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện
Bắc Hà, tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2017, Tạ Thị Thanh D hiện đang chung sống như vợ chồng
với Nguyễn Văn H. Kết bạn với chị Bàn Thị H1 trên mạng xã hội Zalo. D giới thiệu tên
là Lê Văn T, sinh năm 1974, nhà ở tỉnh P, làm nghề xây dựng tại huyện B, tỉnh Lào Cai.
Mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người nhẹ dạ, cả tin. Ngày
13/4/2017, D bảo H gọi điện hẹn gặp chị H1 ở thị trấn P, huyện B rủ đi làm cùng. Chiều
cùng ngày H gặp chị H1 rủ chị đi làm cùng và hỏi vay 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu
đồng*), chị H1 đồng ý, hẹn ngày 14/4/2017 lên thị trấn B xem công trình. Sáng
ngày 14/4/2017 H đi xe mô tô BKS 24B1-873.67 của chị H1, chở H1 từ thị trấn P lên thị
trấn B. Đến nơi, hai người vào một nhà nghỉ, H hỏi vay tiền và mượn xe để H đi giao
dịch công việc, tại đây chị H1 đưa cho H vay 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*)
để trả tiền vật liệu. Lấy được tiền H gọi điện cho D nói giả danh cán bộ Ngân hàng
chuyển tiền giúp và hẹn gặp ở cổng Công viên Na Cồ, thị trấn B. Khoảng 30 phút sau H
và chị H1 gặp D ở Công viên Na Cồ, H đưa cho D 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu
đồng*). Sau đó H và chị H1 ra cổng chợ Văn hóa B, H bảo chị H1 đưa chiếc điện thoại
Sam Sung J1 để nạp tiền, chị H1 đưa điện thoại rồi vào chợ Văn hóa B mua đồ. Sau khi
chiếm đoạt được tài sản H gọi điện cho D nói đi về, sau đó tắt nguồn điện thoại. Khoảng
14h cùng ngày H, D về đến nhà, tiêu sài hết số tiền trên.

Quá trình điều tra D, H khai nhận: Khoảng tháng 02/2016, D nhặt được giấy phép
lái xe mang tên Lê Văn T, sinh năm 1974, trú tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. D gián ảnh của
H vào, mục đích để mang đi cầm cố lấy tiền. Khoảng tháng 03 năm 2016, D kết bạn với
chị Phùng Thị Kim L trên mạng xã hội Zalo. D giới thiệu tên là Lê Văn T, làm nghề xây
dựng tại huyện B, mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L. Sau một thời gian
nói chuyện D bảo H gọi điện rủ chị L đi làm cùng. Ngày 21/07/2016 chị L gọi điện hẹn

H lên thị trấn B xem công trình. Sáng ngày 23/07/2016, H đi xe máy BKS 24 B1-045.21 của chị L chở chị từ ngã ba B, xã X, huyện B lên thị trấn B. Đến nơi, hai người vào quán uống nước, H mượn xe, giấy tờ xe của chị L nói đi gặp lãnh đạo xin việc. Sau khi chiếm đoạt được xe H đi về ngã ba B gọi điện bảo D đi cùng xuống xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai cầm cổ xe vừa chiếm đoạt được cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên và địa chỉ được 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), rồi cùng nhau đi về nhà, tiêu sài hết số tiền trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bắc Hà kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anp, màu sơn đỏ, đen, bạc, BKS 24B1-873.67 có trị giá 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*); 01 điện thoại Sam Sung Glaxy J1, màu vàng có trị giá 702.000 đồng (*Bảy trăm linh hai nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 19/04/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bắc Hà kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anp, màu sơn đen, BKS 24B1-045.21 có trị giá 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Bản cáo trạng số: 07/KSĐT, ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai truy tố Tạ Thị Thanh Doan, Nguyễn Văn Hùng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tạ Thị Thanh D, Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Tạ Thị Thanh D từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn H từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về phần Dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 288; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tiếp cho các bị hại cụ thể như sau: Bị cáo D, H mỗi người phải bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Về Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Sam Sung GT-E1200T; 01 điện thoại HUAWEI. Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T, sinh năm 1974, trú tại Đội 1, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ và 01 sim điện thoại Vinaphone.

Sau khi xem xét, kiểm tra những tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, qua việc xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo Tạ Thị Thanh D; Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã khai: Khoảng tháng 02/2016, D nhất được 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T, D đã gián ảnh của H vào. D và H đã lập nick trên mạng xã hội Zalo và kết bạn với Bàn Thị H1, quá trình kết bạn đã giả danh tên là Lê Văn T làm nghề xây dựng, với thủ đoạn gian dối để lợi dụng lòng tin của chị H1 nhằm chiếm đoạt tài sản. Ngày 14/4/2017 H gặp H1 và cùng nhau đi xe mô tô Wave Anp, màu sơn đỏ, đen, bạc, BKS 24B1-873.67 của chị H1 từ B lên thị trấn B. Tại nhà nghỉ H nói với H1 cho vay tiền để trả tiền vật liệu, mượn xe để đi trao đổi công việc và đi chuyển tiền trả vật liệu. Mục đích là lừa dối để chiếm đoạt tài sản. H đã đưa ra thông tin giả làm cho chị H1 tin đó là thật và đã đưa cho H vay 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Sau khi lấy được tiền H đã đi xe cùng H1 ra công Công viên Na Cò đưa cho D cầm số tiền trên. Trên đường về D gọi điện cho H là lấy được cả xe và điện thoại thì lấy còn không thì đi về. H ở lại tiếp tục lừa chị H1 đưa chiếc điện thoại Sam Sung J1 để nạp tiền. Chị H1 tin đó là thật nên đã đưa điện thoại cùng chiếc xe mô tô BKS 24B1-873.67 cho H. Sau khi chiếm đoạt được tài sản H gọi điện cho D nói đã chiếm được tài sản, rồi tắt điện thoại và bỏ trốn về nhà cùng D tiêu sài hết số tiền trên. Cũng cùng thủ đoạn như trên tháng 7/2016 D và H đã lợi dụng lòng tin của chị Phùng Thị Kim L. Sáng ngày 23/07/2016, H đi xe mô tô BKS 24 B1-045.21 của chị L chở chị L từ B lên thị trấn B. Đến nơi H mượn xe, giấy tờ xe của chị L nói đi gặp lãnh đạo xin việc. H đã đưa ra thông tin giả làm cho chị L tin đó là thật và đã đưa xe cùng giấy tờ xe cho H. Sau khi chiếm đoạt được xe H đi về ngã ba B gọi điện báo D đi cùng xuống huyện B cầm cổ xe vừa chiếm đoạt được cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên và địa chỉ được 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) rồi cùng nhau đi về nhà, tiêu sài hết số tiền trên. Đến ngày 15/4/2017 H bị Công an huyện B ra lệnh bắt khẩn cấp.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của những người tham gia mạng xã hội Zalo đã giả danh người khác, chủ động nhắn tin yêu đương để lấy lòng tin, sau đó dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin không đúng để chủ tài sản tin là có thật và giao tài sản rồi chiếm đoạt. Tổng trị giá tài sản đã chiếm đoạt là: 42.702.000đ (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm linh hai nghìn đồng chẵn*). Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét đánh giá vai trò của từng bị cáo để có một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Tạ Thị Thanh D là người chủ động, trực tiếp lập nick trên mạng xã hội Zalo giả danh tên là Lê Văn T làm nghề xây dựng. D đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin giả làm cho người bị hại tin đó là thật. Sau khi đã tạo được lòng tin đối với người bị hại qua mạng xã hội Zalo, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản.

D đã bảo H đi gặp gỡ những người bị hại. Bị cáo là người khởi xướng, chủ mưu, nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, gián tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò chính.

Bị cáo Nguyễn Văn H khi được D rủ đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản H đã đồng ý, cùng tham gia tích cực, trực tiếp tiếp cận người bị hại. H đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin không đúng sự thật làm cho người bị hại tin đó là thật và đã giao tài sản cho H, thực hiện hành vi phạm tội đến cùng trong cả hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Xét về nhân thân của các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, có nhận thức về pháp luật và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội nhiều lần và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo H có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án. Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, mặc dù đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu sửa chữa khuyết điểm mà còn tích cực trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Do vậy cần phải xét xử nghiêm minh, tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đồng thời phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Khi bị bắt về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Bàn Thị H1, các bị cáo còn khai ra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trước đó của chị Phùng Thị Kim L giúp cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt được đã thu hồi được một phần và trả lại cho chủ sở hữu, đã bồi thường được một phần tài sản, nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra. Bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và đang sinh sống cho thấy trước khi phạm tội bị cáo là công dân tốt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động duy nhất và đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, cần cho bị cáo D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bổ xung bằng tiền, xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản gì. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ xung đối với các bị cáo.

Đối với người đàn ông khoảng 40 tuổi đã cầm cố chiếc xe mô tô BKS 24B1-045.21, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ, nên không thu giữ được. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị H2 là người bị cáo Tạ Thị Thanh D và Nguyễn Văn H đã trả khoản tiền vay nợ trước đó là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Khi các bị cáo trả tiền cho bà H2 không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Quá trình điều tra bà H2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại. Bà H2 không có nhu cầu đòi nợ số tiền trên. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Phùng Thị Kim L bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 24B1-045.21. Trong quá trình điều tra không thu giữ được chiếc xe. Chị L yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị tiền trị giá chiếc xe là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền công đi lại. Tổng cộng là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*). Ngày 26/4/2017 chị L đã thỏa thuận với các bị cáo bồi thường số tiền là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tiền xe và tiền công đi lại. Ngày 12/6/2017 mỗi bị cáo đã bồi thường cho chị L số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), chị L yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị số tiền còn thiếu là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Xét yêu cầu của chị Phùng Thị Kim L là có căn cứ, nên cần buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Bị hại Bàn Thị H1 bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 24B1-873.67, 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J1 và 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H1 chiếc xe mô tô BKS 24B1-873.67, 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J1 và 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Hiện còn thiếu số tiền là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*). Chị H1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiếp. Ngày 4/ 5/2017 chị H1 đã thỏa thuận với các bị cáo bồi thường cho chị số tiền là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngày 12/6/2017 mỗi bị cáo đã bồi thường cho chị H1 số tiền là 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 5.000.000 (*Năm triệu đồng*). Tại phiên tòa chị H1 yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị số tiền còn thiếu là 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), theo như biên bản đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận bồi thường giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật. Xét yêu cầu của chị Bàn Thị H1 là có căn cứ, nên cần buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Tại phiên tòa chị Bàn Thị H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường thêm cho chị số tài sản bị mất gồm: 02 mũ bảo hiểm xe máy; 02 bộ quần áo mưa và 01 quyển sổ hộ khẩu và 04 thẻ bảo hiểm y tế. Trị giá bằng tiền là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Chị H1 đã rút yêu cầu và sau này khi có yêu cầu đòi lại số tài sản trên thì chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về Vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anp, màu sơn đỏ, đen, bạc, BKS 24B1-873.67; 01 điện thoại Sam Sung Galaxy J1; 01 thẻ nhớ Micro SD 2 GB; 01 sim điện thoại Viettel; 01 sim điện thoại Vinaphone; 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm*

trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra đã trả lại cho bị hại Bàn Thị H1 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại VISON, màu đỏ, BKS 24B2- 082.80 của Nguyễn Văn Hùng, số máy JF66E0082335, số khung 5816GY082289. Quá trình điều tra xét thấy chiếc xe trên không phải là phương tiện phạm tội, nên đã trả lại cho H. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Anp, màu sơn đen, BKS 24B1- 045.21; 01 điện thoại Vivo; 02 sim vinaphone số 0943361109, 01234550967 quá trình điều tra không thu giữ được. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- 01 chiếc điện thoại SAMSUNG GT-E1200T, màu trắng đen, có số IMEI: 354952/05/666532/D; 01 điện thoại HUAWEI, màu trắng, số IMEI 1: 862193035122548, số IMEI 2: 862193035122555 điện thoại cũ đã qua sử dụng. Đây là công cụ mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy vẫn còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

- 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T, sinh năm 1974. Trú tại: Đội 1, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ và 01 sim điện thoại Vinaphone, số Seri 09840208021548010864; có ghi số 663 bằng bút dạ màu xanh trên mặt sim. Đây là công cụ mà bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo Tạ Thị Thanh D; Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Tạ Thị Thanh D; Nguyễn Văn H phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Tạ Thị Thanh D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 15 tháng 4 năm 2017. Về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ Luật hình sự; khoản 1 Điều 288; khoản 1 Điều 585; khoản 1,3 Điều 589 Bộ Luật dân sự:

Buộc các bị cáo Tạ Thị Thanh D; Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*). Quy phần cụ thể :

- Bị cáo Tạ Thị Thanh D phải bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 5.250.000 đồng (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Xác nhận bị cáo Tạ Thị Thanh D đã bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo Tạ Thị Thanh D còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng cả hai khoản là 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 5.250.000 đồng (*Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Bàn Thị H1 số tiền là 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Phùng Thị Kim L số tiền là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Tổng cộng cả hai khoản là 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương với ứng thời gian chậm thi hành án.

4. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại SAMSUNG GT-E1200T, màu trắng đen, có số IMEI: 354952/05/666532/D; 01 điện thoại HUAWEI, màu trắng, số IMEI 1: 862193035122548, số IMEI 2: 862193035122555 điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T, sinh năm 1974. Trú tại: Đội 1, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. 01 sim điện thoại Vinaphone, số Seri 09840208021548010864, có ghi số 663 bằng bút dạ màu xanh trên mặt sim.

5. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Tạ Thị Thanh D, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 312.000 đồng (*Ba trăm mười hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự. Tổng cộng hai khoản là 512.000 đồng (*Năm trăm mười hai nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- THAHS (2);
- CCTHADS;
- Các bị cáo (2);
- CA huyện Bắc Hà;
- Ng-ời bị hại (2);
- Sở tư pháp;
- Trại giam;
- L- u HS,TA,VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thọ